



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0176/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 06 tháng 3 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



XUẤT THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực 06 - Quyền số 03 - SGT/BS

Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2018

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG MAI DỊCH



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Thị Bích Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		959.140.514.284	914.425.166.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.445.891.785	74.142.156.698
1. Tiền	111		69.445.891.785	74.142.156.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		646.554.828.395	539.659.679.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	603.277.257.972	503.067.888.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.360.187.912	12.189.410.093
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.189.141.728	2.189.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	53.247.227.448	47.266.426.427
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(28.518.986.665)	(25.053.186.891)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		216.482.641.042	284.973.462.195
1. Hàng tồn kho	141	V.8	216.482.641.042	284.973.462.195
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.657.153.062	15.649.868.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	-	594.076.220
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.608.494.589	15.055.791.865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	48.658.473	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		518.258.668.352	493.802.625.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.123.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.123.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		274.598.849.900	316.752.571.640
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	269.986.349.900	312.140.071.640
Nguyên giá	222		927.418.405.800	924.425.515.618
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(657.432.055.900)	(612.285.443.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.612.500.000	4.612.500.000
Nguyên giá	228		4.692.500.000	4.692.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		143.193.017.348	55.362.343.784
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	143.193.017.348	55.362.343.784
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	90.636.491.581	117.646.206.063
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.822.030.909	63.509.530.909
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.533.356.180)	(31.211.141.698)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.707.309.523	4.041.503.858
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.324.938.141	2.833.142.926
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.382.371.382	1.208.360.932
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.477.399.182.636	1.408.227.791.712

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		838.194.700.501	784.262.443.582
I. Nợ ngắn hạn	310		661.648.551.222	670.691.251.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	98.928.063.103	93.368.234.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	11.232.666.936	32.077.064.989
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.667.192.232	13.640.669.130
4. Phải trả người lao động	314		31.655.314.482	22.220.561.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.173.954.448	5.829.726.351
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	5.625.235.792	6.386.983.834
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	500.784.296.184	488.454.567.666
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.581.828.045	8.713.443.602
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		176.546.149.279	113.571.191.721
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	10.702.391.746	286.233.925
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	143.315.652.957	89.087.373.037
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	22.528.104.576	24.197.584.759
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		639.204.482.135	623.965.348.130
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	639.204.482.135	623.965.348.130
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		213.492.096.948	210.425.262.827
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.971.675.608	49.799.375.724
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.642.226.282	49.799.375.724
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.329.449.326	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.477.399.182.636	1.408.227.791.712

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Thế Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	620.633.599.922	435.858.642.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		620.633.599.922	435.858.642.027
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	510.396.838.718	340.974.966.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.236.761.204	94.883.675.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.643.044.859	23.778.870.247
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.909.471.166	44.675.762.971
Trong đó: chi phí lãi vay	23		47.216.011.113	45.203.022.598
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	53.087.932.753	47.903.882.550
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.882.402.144	26.082.899.778
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.316.316.618	13.726.688.065
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.274.451.379	4.088.375.570
13. Lợi nhuận khác	40		2.041.865.239	9.638.312.495
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.924.267.383	35.721.212.273
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	8.768.828.507	5.226.881.510
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(174.010.450)	(174.010.450)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.329.449.326	30.668.341.213
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải

Lập ngày 06 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Thế Quang

